TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 432/2017/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 06 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 348/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: **Ông Phạm Văn T**, sinh năm: 1969; địa chỉ: Tổ 19, khu vực 6, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Bích K,** sinh năm: 1968; địa chỉ: Tổ 19, khu vực 6, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Bích K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Bích K xác nhận có 02 con chung:

(1) Phạm Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 12/9/1994, hiện đã trưởng thành.

(2) Phạm Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 19/11/2001, hiện đang ở cùng với bà K.

Ông T và bà K thoả thuận giao con Phạm Nguyễn Thị Quỳnh N cho bà Nguyễn Thị Bích K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; Ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về tài sản chung**: Ông T và bà K tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông T và bà K xác nhận không có.

- **Về án phí**: Ông T và bà K thoả thuận ông Phạm Văn T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 002984 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường D, tp H;
(ĐKKH số 02 ngày 10/01/1994)
- Lưu dán;
- Lưu.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân